

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13- 7 - 2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hải;

2. Ông Huỳnh Thanh Vũ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/TBXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bích N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T2, xã T, huyện Đ, thành phố C (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T2, xã X, huyện Đ, thành phố C (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Bích N trình bày: Vào năm 2003, sau thời gian tìm hiểu, chị Phan Thị Bích N và anh Trần Văn B được hai bên gia đình tác hợp và tổ chức lễ cưới, đến ngày 25/10/2005 thì tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Đông, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không còn phù hợp, nên chị N có đơn xin ly

hôn đôi với anh B; Về con chung: Chị N và anh B có 02 con chung là Trần Văn D(nam), sinh ngày 01/9/2004 và Trần Ngọc Thiên P(nam), sinh ngày 26/10/2018. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với anh B để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đến ngày 02/7/2020, anh B chủ động đến Tòa án và được ghi nhận lời khai với nội dung như sau: Anh B và Chị N tìm hiểu nhau năm 2003, tổ chức đám cưới vào năm 2004, sau khi sinh con đầu lòng Trần Văn D thì anh và chị N tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Đông, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 25/10/2005, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn do chuyện làm ăn nên vợ chồng cãi nhau, anh B có đánh chị N, nên chị N bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, từ ngày ly thân đến nay, anh không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, nhưng anh B không đồng ý ly hôn với chị N; Về chung: Anh B cho rằng trong trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Anh B khai nhận anh và Chị N có vay Ngân hàng TPCP Kiên Long số tiền 275.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Kiên Long đã khởi kiện anh và chị N để yêu cầu trả số nợ nêu trên, đối với vấn đề nợ chung, anh B yêu cầu chị N cùng có trách nhiệm trả nợ với anh.

Tại phiên tòa:

Chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh B, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Chị N Khai nhận chị và anh B có nợ chung là tiền vay nợ của Ngân hàng TMCP Kiên Long, nợ gốc là 275.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 02/7/2020 là 43.487.486 đồng. Ngân hàng TMCP Kiên Long đã khởi kiện chị và anh B để yêu cầu trả số nợ trên, các bên đã thỏa thuận về việc trả nợ, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ đã giải quyết xong bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 50/2020/QĐST-DS ngày 10/7/2020.

Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh B tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2020 cùng các tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa

thực hiện đúng về việc phải có mặt khi được triệu tập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*” là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Bích N, chị N được ly hôn với anh Trần Văn B; Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Văn D(nam), sinh ngày 01/9/2004 và Trần Ngọc Thiên P(nam), sinh ngày 26/10/2018 cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Đã được giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phan Thị Bích N và anh Trần Văn B, tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị N có đơn xin ly hôn với anh B. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vắng mặt đối với anh B, theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bích N và anh Trần Văn B, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Thới Đông, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Chị N cho rằng thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không còn phù hợp, nên chị N có đơn xin ly hôn đối với anh B, tại biên bản lấy lời khai anh B khai nhận nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ năm 2017 do chuyện làm ăn nên

vợ chồng cãi nhau, anh B có đánh chị N, nên chị N bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, từ ngày ly thân đến nay, anh không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, nhưng anh B không đồng ý ly hôn với chị N. Tại biên bản xác minh ngày 27/4/2020 ghi nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B là do làm ăn thua lỗ, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến giữa năm 2018, chị N bỏ nhà đi và sống ly thân cho đến nay. Xét nguyên nhân, mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống và làm ăn thua lỗ, bản thân anh B cũng thừa nhận có dùng bạo lực đối với chị N, khiến chị N phải về nhà mẹ ruột sinh sống, các đương sự có khoảng thời gian dài sống ly thân, và quá trình giải quyết vụ án anh B không có biện pháp cụ thể nào thể hiện sự thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị N, mặc dù anh có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị N. Qua đó, cho thấy mâu thuẫn giữ các đương sự đã thật sự sâu sắc trầm trọng, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Trần Văn D(nam), sinh ngày 01/9/2004 và Trần Ngọc Thiên P(nam), sinh ngày 26/10/2018, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B có ý kiến, trong trường hợp ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Trần N Thiên P(nam), sinh ngày 26/10/2018, hiện đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Phú chưa đủ 36 tháng tuổi, đối với cháu Trần Văn Dương, hiện đang sinh sống cùng với chị N và đã đi làm, bản thân cháu Dương có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị N để cho cháu ổn định việc đi làm, bản thân anh B làm nghề đi tàu biển thường xuyên phải xa nhà, nên điều kiện nuôi dưỡng con chung sẽ không được đảm bảo hơn so với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Ghi nhận lời khai của các đương sự thống nhất là không có tài sản chung, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị N khai nhận là không có nợ chung. Nhưng, khi lấy lời khai của anh B thì anh B thừa nhận là có nợ Ngân

hàng TMCP Kiên Long số tiền 275.000.000 đồng, tại phiên tòa chi N cũng thừa nhận về số nợ chung là tiền vay của Ngân hàng TMCP Kiên Long vốn gốc là 275.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 02/7/2020 là 43.487.486 đồng. Ngân hàng TMCP Kiên Long đã có yêu cầu khởi kiện chi N và anh B để yêu cầu trả số tiền nợ nêu trên, vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ đã giải quyết xong bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 50/2020/QĐST-DS ngày 10/7/2020.

[6] Về án phí: Chi N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51; 56; 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin hôn của chị Phan Thị Bích N với anh Trần Văn B.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bích N được ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Văn D (nam), sinh ngày 01/9/2004 và Trần Ngọc Thiên P (nam), sinh ngày 26/10/2018. Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh B, không ai được quyền ngăn cản.

Anh B không được quyền lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị N, nếu có thì chị N có quyền yêu cầu hạn chế việc thăm con của anh B.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự thống nhất là không có tài sản chung, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi

kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

Về nợ chung: Đã được Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ giải quyết bằng vụ án khác, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 50/2020/QĐST-DS ngày 10/7/2020.

Về án phí: Chị Phan Thị Bích N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 012910 ngày 23/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Bích N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thừa hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- Các đương sự,
- VKSND huyện Cờ Đỏ,
- Chi cục THA DS huyện Cờ Đỏ,
- UBND xã Thới Đông, huyện Cờ Đỏ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Quốc Kiệt